



Biểu 01: Dân cư

TT	Xã (Thôn)	Dân tộc (người)			Lao động từ 15-60 tuổi (người)	Cao tuổi từ trên 60 tuổi trở lên	Trẻ em dưới 15 tuổi (người)	Phụ nữ (người)	Neo đơn (người)	Khuyết tật (người)
		Số khẩu	Kinh	DT khác						
1	Thôn La Hà - Thạch Trận	2.618	2.617	1	1.636	432	550	1.278	8	39
2	Thôn An Bình	3.557	3.556	1	2.223	587	747	1.736	11	33
3	Thôn Thanh Hà	3.178	3.170	8	1.986	524	667	1.551	10	68
4	Thôn An Nghĩa	2.082	2.077	5	1.301	344	437	1.016	6	42
5	Thôn Hòa Tân	2.992	2.990	2	1.870	494	628	1.460	8	92
6	Thôn Hòa Bình 1	4.600	4.593	7	2.875	759	966	2.245	9	126
7	Thôn Hòa Bình 2	2.255	2.253	2	1.409	372	474	1.100	14	120
8	Thôn Hòa Phú	2.656	2.651	5	1.660	438	558	1.296	7	55
9	Thôn Thu Xà	2.649	2.645	4	1.656	437	556	1.293	8	62
10	Thôn An Hà 1	3.474	3.471	3	2.171	573	730	1.695	9	77
11	Thôn An Hà 3	2.062	2.062		1.289	340	433	1.006	10	92
12	Thôn Tân Hội	2.308	2.307	1	1.443	381	485	1.126	9	76
13	Thôn Phú Văn	2.484	2.480	4	1.553	410	522	1.212	10	72
14	Thôn Điền Trang	2.743	2.742	1	1.714	453	576	1.339	5	59
15	Thôn La Châu	2.412	2.405	7	1.508	398	507	1.177	5	68
16	Thôn La Hà 1	2.922	2.921	1	1.826	482	614	1.426	10	111
17	Thôn La Hà	3.373	3.373		2.108	557	708	1.646	6	67

18	Thôn Điện An 1	2.912	2.911	1	² 1.820	480	612	1.421	7	67
19	Thôn Điện An	3.330	3.325	5	2.081	549	699	1.625	8	69
20	Thôn Vạn An 1	1.812	1.812		1.133	299	381	884	7	85
21	Thôn Vạn An 3	1.822	1.820	2	1.139	301	383	889	7	114
Xã Tư Nghĩa		58.241	58.181	60	36.401	9.610	12.231	28.422	175	1.594



Biểu 02: Dân sinh và Nhà ở trên địa bàn

TT	Xã/phường	Dân sinh					Nhà ở			
		Tổng số hộ trên địa bàn	Số dân SX Nông-Lâm- Ngư (hộ)	Số dân SX phi NN (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Nhà kiên cố (nhà)	Nhà bán kiên cố (nhà)	Nhà thiếu kiên cố (nhà)	Nhà đơn sơ (nhà)
1	Thôn La Hà - Thạch Trận	684	479	205	6	6	629	34	21	0
2	Thôn An Bình	878	615	263	7	7	808	44	26	0
3	Thôn Thanh Hà	848	594	254	7	6	780	42	25	0
4	Thôn An Nghĩa	519	363	156	7	4	477	26	16	0
5	Thôn Hòa Tân	712	498	214	6	3	655	36	21	0
6	Thôn Hòa Bình 1	1061	743	318	5	5	976	53	32	0
7	Thôn Hòa Bình 2	520	364	156	13	7	478	26	16	0
8	Thôn Hòa Phú	590	413	177	2	5	543	30	18	0
9	Thôn Thu Xà	606	424	182	4	5	558	30	18	0
10	Thôn An Hà 1	884	619	265	6	7	813	44	27	0
11	Thôn An Hà 3	538	377	161	6	8	495	27	16	0
12	Thôn Tân Hội	585	410	176	5	6	538	29	18	0
13	Thôn Phú Văn	624	437	187	7	8	574	31	19	0
14	Thôn Điền Trang	719	503	216	3	3	661	36	22	0
15	Thôn La Châu	614	430	184	4	3	565	31	18	0
16	Thôn La Hà 1	785	550	236	5	7	722	39	24	0
17	Thôn La Hà	932	652	280	5	5	857	47	28	0
18	Thôn Điện An 1	807	565	242	5	4	742	40	24	0

19	Thôn Điện An	916	641	⁴ 275	7	6	843	46	27	0
20	Thôn Vạn An 1	536	375	161	9	5	493	27	16	0
21	Thôn Vạn An 3	509	356	153	6	4	468	25	15	0
	Tổng số:	14.867	10.407	4.460	125	114	13.678	743	446	0

*** Hướng dẫn phân loại nhà của Bộ Xây dựng:**

- Nhà kiên cố là nhà có 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.
- Nhà thiếu kiên cố là nhà có 1 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà đơn sơ là nhà có cả 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc (gỗ tạp, tre, ngói, tấm lợp, lá, rom, rạ, đất, phiên, liếp, ván ép,...).

**Biểu 03: Công trình có thể sơ tán dân đến trên địa bàn**

STT	Tên công trình	Vị trí, địa điểm	Sức chứa (người)
1	Trường Tiểu học & THCS La Hà	Thôn An Bình	1000
2	Trường PTTH Tư Nghĩa 1	Thôn An Bình	1500
3	Trường ĐH Tài chính- Kế toán	Thôn Thanh Hà	1500
4	Trường PTTH Chu Văn An	Thôn An Nghĩa	1500
5	Nhà văn hóa thôn An Nghĩa	Thôn An Nghĩa	70
6	Trường Mầm non La Hà	Thôn Thanh Hà	1000
7	Các điểm Trường MN Tư Nghĩa	Thôn Điện An 1, Vạn An 3, La Hà, Hòa Bình 2	1200
8	Các điểm Trường TH&THCS Nghĩa Hòa	Hòa Bình 1, Hòa Bình 2	1500
9	Chùa Linh Quang	Hòa Bình 1	100
10	Trường THPT Thu Xà	Hòa Bình 1	1300
11	Trạm Y Tế xã Nghĩa Hòa cũ	Thôn Thu Xà	400
12	Nhà văn hóa xã Nghĩa Hòa cũ	Thôn Thu Xà	300
13	MN Nghĩa Trung	Thôn Điện Trang	1000
14	Các điểm Trường Tiểu học Nghĩa Thương	Thôn La Hà, Vạn An 3, Điện An 1	2000
15	Tiểu học Nghĩa Trung	Thôn An Hà 1, Điện Trang	1000
16	THCS Nghĩa Thương	Thôn La Hà	1000
17	Trạm Y tế xã Tư Nghĩa	Thôn La Hà	300
18	Chùa La Hà	Thôn La Hà	100
19	Chùa Cảnh Tiên	Thôn Vạn An 1	100
20	10 nhà văn hóa thôn	Các thôn đảm bảo đủ điều kiện di dời	1000
Tổng số			17.870

Biểu 04: Tổng hợp số liệu sản xuất nông nghiệp chính

TT	Xã	Lúa (Hè Thu) (ha)	Hoa màu (Hè Thu) (ha)	Cây lâu năm/công nghiệp (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (con)
	Xã Tư Nghĩa	2.823,00	765,00	52,00	37,20	19.221	330.140

Biểu 05. TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN TRÊN ĐỊA BÀN

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ô tô	xe	25	
2	Ca nô	chiếc	-	
3	Máy phát điện	cái	5	
4	Nhà bạt	cái	1	
5	Áo phao	cái	100	
6	Phao tròn	cái	53	
7	Phao bè	cái	2	
8	Áo mưa	cái	100	
9	Đèn pin	cái	100	
10	Mũ bảo hộ	cái	100	
11	Loa cầm tay	cái	3	
12	Xăng, dầu	lít	1.500	
13	Máy ICOM	chiếc	1	
14	Ghe chèo tay	chiếc	15	
15	Cửa Lóc	cái	3	